

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý III năm 2012

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>455,547,386,395</b>	<b>512,438,091,259</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>188,253,961,019</b>	<b>93,146,157,437</b>
1. Tiền	111		110,902,653,909	30,662,157,437
2. Các khoản tương đương tiền	112		77,351,307,110	62,484,000,000
<b>II. Các khoản đầu tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11,622,700</b>	<b>118,163,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11,622,700	118,163,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>262,376,294,808</b>	<b>415,212,573,734</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		0	0
2. Trả trước cho người bán	132		2,920,942,859	1,445,322,050
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		266,698,728,162	422,732,086,971
5. Phải thu khác	138		918,730,524	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi(*)	139		-8,162,106,737	-8,964,835,287
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			<b>0</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,905,507,868</b>	<b>3,961,197,088</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,217,188,277	1,564,622,583
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		128,718	0
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,688,190,873	2,396,574,505
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>26,874,793,155</b>	<b>28,592,402,199</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14,349,602,994</b>	<b>17,255,524,786</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12,303,845,530	12,440,978,268
- Nguyên giá	222		41,496,249,174	36,134,317,358
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		-29,192,403,644	-23,693,339,090
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		2,045,757,464	4,814,546,518
- Nguyên giá	228		15,097,367,447	14,282,056,497
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-13,051,609,983	-9,467,509,979
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2,210,635,800</b>	<b>2,186,136,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		0	0
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		2,210,635,800	2,186,136,000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0





4. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10,314,554,361</b>	<b>9,150,741,413</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,406,344,007	2,065,032,197
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,259,194,188	2,259,194,188
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		6,649,016,166	4,826,515,028
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>482,422,179,550</b>	<b>541,030,493,458</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
	1	2	3	4
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>133,362,718,257</b>	<b>216,701,635,042</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>132,746,066,324</b>	<b>216,066,358,109</b>
1. Vay ngắn hạn	311		0	158,865,447,363
2. Phải trả người bán	312		97,658,265	143,200,255
3. Người mua trả tiền trước	313		665,032,000	645,032,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		747,457,419	893,730,805
5. Phải trả người lao động	315		15,398,784	3,363,297
6. Chi phí phải trả	316		4,475,252,861	7,618,138,043
7. Phải trả nội bộ	317		1,161,370,898	189,773,502
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		123,786,293,592	47,044,217,513
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		38,209,150	12,164,497
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		0	0
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		1,759,393,355	651,290,834
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		0	0
<b>II. Phải trả dài hạn khác</b>	<b>330</b>		<b>616,651,933</b>	<b>635,276,933</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		616,651,933	635,276,933
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		0	0
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>349,059,461,293</b>	<b>324,328,858,416</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>349,059,461,293</b>	<b>324,328,858,416</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300,000,000,000	300,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-2,074,735,200	-2,099,235,000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,906,709,824	2,671,404,671
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,906,709,824	2,671,404,671
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43,320,776,845	21,085,284,074
<b>II- Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>450</b>		<b>482,422,179,550</b>	<b>541,030,493,458</b>

Lập, ngày 11 tháng 10 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

Trần.Thị Ngọc Hường



Lê Minh Tâm



Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG  
 Địa chỉ: 255 Trần Hưng Đạo, Q1, TPHCM, District 1, Hochiminh city, Vietnam  
 Điện thoại: 8386636 - Fax: 8386639

Mẫu số B 02a-CTCK  
 Ban Hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC  
 Ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

( Dạng đầy đủ )  
 Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết Minh	** Quý 3 Năm 2012 **		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		34,087,364,444	29,770,252,095	140,251,330,219	80,253,929,740
Trong đó:						
- Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	01.1		11,885,462,012	9,630,088,786	54,541,587,915	22,559,550,508
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2,950,850	2,324,820	144,834,628	448,362,387
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3					
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-	-	-
- Doanh thu tư vấn	01.5		27,272,727	20,000,000	325,761,818	485,236,363
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		307,550,262	41,777,250	805,004,367	138,396,837
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
- Doanh thu cho thuê, sử dụng tài sản	01.8		203,879,590	144,556,364	691,741,463	368,210,967
- Doanh thu khác	01.9		21,666,150,703	19,931,504,875	83,742,400,028	56,254,172,678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh(10=01-02)	10		34,087,364,444	29,770,252,095	140,251,330,219	80,253,929,740
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		20,314,783,576	17,482,708,036	74,497,055,603	45,584,694,376
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		13,772,580,868	12,287,544,059	65,754,274,616	34,669,235,364
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,283,306,369	8,749,069,825	32,667,181,254	26,399,573,269
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 - 25)	30		510,725,501	3,538,474,234	33,087,093,362	8,269,662,095
8. Thu nhập khác	31		-	-	-	11,174,738
9. Chi phí khác	32		-	21,187,185	-	98,185,400
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	21,187,185	-	87,010,662
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		510,725,501	3,517,287,049	33,087,093,362	8,182,651,433
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		89,465,376	770,433,763	8,380,990,285	1,980,718,678
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		421,260,125	2,746,853,286	24,706,103,077	6,201,932,755
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Lập, ngày 11 tháng 10 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*[Signature]*

*[Signature]*

Trần Thị Ngọc Hương



Lê Minh Tâm



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Quý 3 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			NĂM NÀY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-510,725,501	3,524,787,122
2. Điều chỉnh cho các khoản			0	0
'- Khấu hao Tài sản cố định	02		3,854,255,163	2,476,947,238
'- Các khoản dự phòng	03		398,926,796	-367,220,838
'- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	
'- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-3,420,233,132	-123,432,200
'- Chi phí lãi vay	06		2,094,258,817	-766,887,882
3. Lợi nhuận từ hkd trước khi thay đổi vốn lưu động	08		2,416,482,143	4,744,193,440
'- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		179,520,238,618	-121,919,900,229
'- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	
'- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22,723,723,953	26,635,938,019
'- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		521,923,426	477,408,671
'- Tiền lãi vay đã trả	13		-2,094,258,817	
'- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		0	
'- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		0	
'- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		0	
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>203,088,109,323</b>	<b>-90,062,360,099</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-810,459,850	-128,580,060
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	25,398,100
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	-32,800,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	24,300,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-223,921,830	222,194,300
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đơn vị khác	26		230,639,764	-108,281,400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,920,895,658	356,100
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2,117,153,742</b>	<b>-8,488,912,960</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		649,347,092,123	195,637,689,712
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-774,843,092,123	-19,889,045,651
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-125,496,000,000</b>	<b>175,748,644,061</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>79,709,263,065</b>	<b>77,197,371,002</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		108,544,697,954	27,397,441,156
Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại cuối kỳ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		188,253,961,019	104,594,812,158

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Ngọc Huyền



Lập, ngày 11 tháng 10 năm 2012



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

*Quý III năm 2012*

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam

**Hoạt động**

Công ty được cấp Giấy phép thành lập 71/UBCK-GP, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007

Và giấy phép điều chỉnh tên số 105/GPĐC-UBCK, do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 08 năm 2012

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 255 Trần Hưng Đạo , Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Số nhân viên công ty tại thời điểm báo cáo là 315 người

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 300 tỉ đồng

**Hội đồng quản trị**

Thành viên của Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Shahrul Nazri Abdul Rahim - Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2012
Ông Lê Minh Tâm – thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2012
Ông Soon Su Long - thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2012
Ông Ong Cheow Kheng - thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2012
Ông Tan Pei San - thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2012

**Ban Tổng Giám đốc**

Thành viên Ban Tổng Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Minh Tâm – Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Mạnh- Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2010
Ông Dương Cẩm Đà - Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2011

**Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Eunice Ho	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2012
Ông Koh Boon Hann	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2012
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2012



## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

### 3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

## III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000, Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Công ty bắt đầu hoạt động áp dụng Chính sách kế toán của Công ty từ 1/1/2008

## V. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ

### 1. Tiền gửi Ngân hàng:

Chi tiết số dư tài khoản tiền mặt và tiền Ngân hàng của Công ty như sau:

	<u>Ngày 30/09/2012</u>	<u>Ngày 30/06/2012</u>
Tiền mặt	93,429,085	109,813,580
Tiền gửi ngân hàng	188,160,531,934	108,434,884,374
Trong đó :		
Tiền gửi ngân hàng của Công Ty	52,077,748,250	12,924,138,332
Tiền gửi của nhà đầu tư	136,082,783,684	95,510,746,042
- Giao dịch chứng khoán	135,694,344,053	93,376,646,312
- Cổ tức của nhà đầu tư	38,209,150	1,175,998,175
- Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	350,230,481	958,101,555
	<u>188,253,961,019</u>	<u>108,544,697,954</u>



**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Khối lượng thực hiện giao dịch trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng thực hiện giao dịch trong năm (triệu đồng)</i>
<b>a) Của Công ty chứng khoán</b>		
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	94,644	897.850
- Trái phiếu		
<b>b) Của nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	2,483,372,857	28,974,253.654
- Trái phiếu		
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,483,467,501</b>	<b>28,975,151.504</b>

**3. Đầu tư ngắn hạn**

*Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ:*

	<u>Ngày 30/09/2012</u>	<u>Ngày 30/06/2012</u>
Ký quỹ Ngân hàng Vietnam Siam		
Ký quỹ Ngân hàng NN&PTNT VN		
Ký quỹ Ngân hàng Exim		

*Chứng khoán tự doanh*

Chứng khoán tự doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý: theo giá mua vào lúc mua và theo giá thị trường vào cuối kỳ. Lãi lỗ được ghi nhận vào doanh thu, chi phí trong kỳ

*Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra:*

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

*Chứng khoán đầu tư dài hạn:*

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được đánh giá lại vào cuối mỗi kỳ vào vốn chủ sở hữu

Trái phiếu giữ đến khi đáo hạn không đánh giá theo giá thị trường. Lãi trái phiếu và phụ trội (chiết khấu) được phân bổ theo tỉ lệ thời gian suốt thời hạn trái phiếu

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị		Tổng giá trị theo giá thị trường	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	1,736	11,622,700			11,622,700	
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>						
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	144,486	2,210,635,800			2,210,635,800	



- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn						
<b>III. Đầu tư góp vốn</b>						
-Đầu tư vào công ty con						
-Vốn góp liên doanh, liên kết						
<b>IV. Đầu tư tài chính khác</b>						

### 5. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 6. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

	<u>Ngày 30/09/2012</u>	<u>Ngày 30/06/2012</u>
Phí cải tạo văn phòng	7,885,798,987	7,885,798,987
Máy vi tính	12,398,959,224	12,193,956,624
Máy móc thiết bị khác	15,697,540,215	15,697,540,215
P/tiện vận tải, truyền dẫn	3,052,011,905	3,052,011,905
Bàn ghế tủ	2,429,428,985	2,429,428,985
Tài sản cố định khác	<u>32,509,858</u>	<u>157,437,712</u>
	<b><u>41,496,249,174</u></b>	<b><u>41,416,174,428</u></b>
	<u>Ngày 30/06/2012</u>	<u>Ngày 30/06/2012</u>
Bản quyền phần mềm	<u>15,097,367,447</u>	<u>14,491,910,197</u>
	<b><u>15,097,367,447</u></b>	<b><u>14,491,910,197</u></b>



**7. Khấu hao**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị: 3 năm

Phương tiện vận tải: 6 năm

Cải tạo văn phòng: 5 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3-5 năm

	<u>Ngày 30/09/2012</u>	<u>Ngày 30/06/2012</u>
Khấu hao-Phí cải tạo văn phòng	(7,324,974,217)	(6,930,684,266)
Khấu hao-Máy vi tính	(6,077,820,478)	(5,169,444,342)
K/h-Máy móc thiết bị khác	(12,545,315,379)	(12,069,889,463)
K/hao-Phương tiện vận tải	(1,853,780,114)	(1,726,226,772)
Khấu hao-Bàn ghế tủ	(1,358,904,059)	(1,237,349,736)
Khấu hao- Khác	(31,609,397)	(92,381,555)
	<b>(29,192,403,644)</b>	<b>(27,225,976,134)</b>
	<u>Ngày 30/09/2012</u>	<u>Ngày 30/06/2012</u>
K/hao-Bản quyền phần mềm	(13,051,609,983)	(11,163,782,330)
	<b>(13,051,609,983)</b>	<b>(11,163,782,330)</b>

**8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

-Tiền nộp ban đầu: 120.000.000

-Tiền nộp bổ sung: 6,524,975,804

- Tiền lãi phân bổ trong năm: 4,040,362

**9. Các khoản phải thu (triệu đồng)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng							
2. Phải thu hệ thống giao dịch chứng khoán							
- Phải thu của SGDCK							
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	266,698		8,162	444,504		7,763	8,162
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán							
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán							
- Phải thu thành viên khác							
3. Thuế GTGT được khấu trừ	0			0			
4. Phải thu nội bộ							
5. Phải thu khác	918			296			



### 10. Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

	<u>Ngày 30/09/2012</u>	<u>Ngày 30/06/2012</u>
Thuế GTGT	(22,309,815)	(12,031,440)
Thuế TNDN	127,681,376	(4,878,258,684)
Thuế nhà thầu -Phải trả hộ khách hàng	(5,699,680)	(24,572,548)
Thuế TNCN	(417,839,585)	(471,042,555)
Thuế TNCN- Phải trả hộ khách hàng	(344,530,801)	(933,529,007)
Thuế nhà thầu	(84,758,914)	(61,291,930)
	<u>(747,457,419)</u>	<u>(6,380,726,164)</u>

### 11. Chi phí phải trả

	<u>Ngày 30/09/2012</u>	<u>Ngày 30/06/2012</u>
Kinh phí công đoàn	(683,857,873)	(443,960,977)
Bảo hiểm xã hội	(549,514,710)	(377,273,293)
Bảo hiểm y tế	(98,037,850)	(96,835,150)
Bảo hiểm thất nghiệp	(42,698,900)	(41,537,700)
Phải trả, phải nộp khác	(3,101,143,528)	(3,779,457,719)
	<u>(4,475,252,861)</u>	<u>(4,739,064,839)</u>

### 12. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<u>Ngày</u> <u>30/09/2012</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Ngày</u> <u>30/06/2012</u>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>				
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000			300,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần				-
3 Vốn khác của chủ sở hữu				-
4 Cổ phiếu quỹ				-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-2,074,735,200	150,139,800		-2,224,875,000
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái				-
7 Quỹ đầu tư phát triển	3,906,709,824		-21,063,006	3,927,772,830
8 Quỹ dự phòng tài chính	3,906,709,824		-21,063,006	3,927,772,830
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43,320,776,845		-379,134,113	43,699,910,958
Tổng cộng	<b>349,059,461,293</b>	<b>150,139,800</b>	<b>-421,260,125</b>	<b>349,330,581,618</b>

### 13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính



#### 14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 15. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận khi các chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng tài sản nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy. Chi phí được ghi nhận tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Ngọc Hương



Lê Minh Tâm